

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai số liệu Quyết toán thu chi ngân sách năm 2023

I. Thời gian: ngày 01 tháng 7 năm 2024

II. Địa điểm: Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Tây

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 13 thôn.

IV. Nội dung:

1. Ông Cao Văn Đức - Chủ tịch UBND thông qua Biên bản công khai theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

2. Thông báo các nội dung công khai

Công khai số liệu thu chi Quyết toán thu chi ngân sách năm 2023

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 13 thôn

- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Tây, nhà văn hoá 13 thôn, đăng tải trên cổng thông tin điện tử xã

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

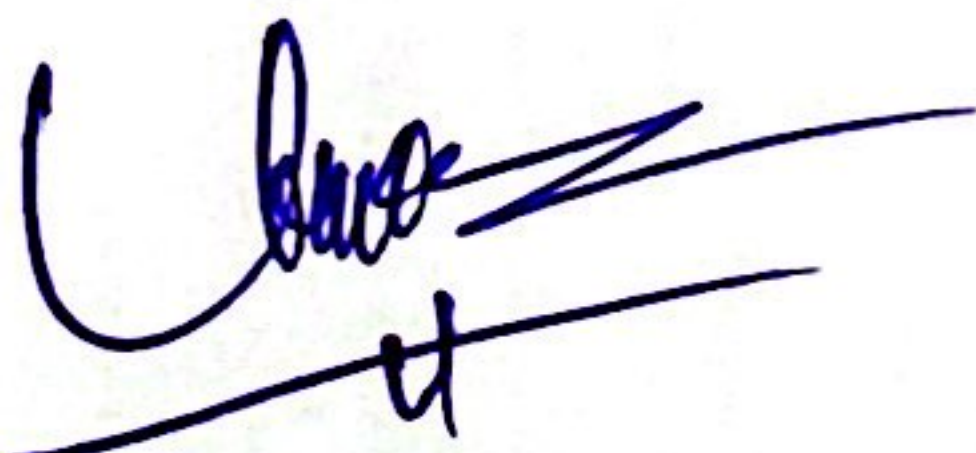
- Niêm yết tại Trụ sở ủy ban nhân dân xã Sơn Tây, nhà văn hoá 13 thôn

- Thời gian niêm yết: từ ngày 01/7/2024 đến ngày 31/7/2024

5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, thôn trưởng 13 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản thông qua trước cán bộ, công chức, thôn trưởng 13 thôn lúc 10h30 phút cùng ngày và được các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



Phan Thị Hoài

Chủ tịch



Cao Văn Đức

Số: 156/QĐ-UBND

Sơn Tây, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu quyết toán thu, chi ngân sách năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số: 44/NQ -HĐND ngày 27/06/2024 của HĐND xã Sơn Tây về việc phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán ngân sách xã,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2023 như sau:

Tổng thu ngân sách: 16.164.384.320 đồng

- Trong đó:
- Thu ngân sách trên địa bàn: 3.896.082.966 đồng
 - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 11.777.509.400 đồng
 - Thu chuyển nguồn: 490.791.954 đồng

Tổng chi ngân sách: 16.164.384.320 đồng

- Trong đó:
- Chi đầu tư phát triển: 5.993.731.000 đồng
 - Chi thường xuyên: 9.155.109.146 đồng
 - Chi chuyển nguồn: 955.544.174 đồng
 - Kết dư ngân sách: 60.000.000 đồng

(Có các biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, Ban tài chính ngân sách tổ chức thực hiện

Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng TC huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Các đoàn thể xã;
- Thôn trưởng 13 thôn;
- Lưu VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Đức

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	9.542.030.000	6.464.030.000	25.083.611.503	16.164.384.320	262,88	250,07
I. Các khoản thu 100%	231.800.000	231.800.000	429.295.146	429.295.146	185,2	185,2
1. Phí, lệ phí	117.000.000	117.000.000	429.295.146	429.295.146	366,92	366,92
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	85.000.000	85.000.000				
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác	29.800.000	29.800.000				
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	4.801.000.000	1.723.000.000	12.386.015.003	3.466.787.820	257,99	201,21
1. Các khoản thu phân chia	116.000.000	96.000.000	207.374.212	173.732.857	178,77	180,97
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000.000	16.000.000	13.817.424	13.817.424	86,36	86,36
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			25.350.000	25.350.000		
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000.000	80.000.000	168.206.788	134.565.433	168,21	168,21
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	4.685.000.000	1.627.000.000	12.178.640.791	3.293.054.963	259,95	202,4
2.1. Thu tiền sử dụng đất	1.000.000.000	450.000.000	2.700.649.500	1.215.292.275	270,06	270,06
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	410.000.000	123.000.000	75.063.651	22.519.099	18,31	18,31
2.3. Thuế tài nguyên	428.000.000	111.500.000	1.911.064.775	382.212.958	446,51	342,79
2.4. Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp	1.717.000.000	343.500.000	6.770.679.721	1.456.675.686	394,33	424,07
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	650.000.000	455.000.000				
2.7. Cấp khai thác khoáng sản	480.000.000	144.000.000	721.183.144	216.354.945	150,25	150,25
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			490.791.954	490.791.954		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.509.230.000	4.509.230.000	11.777.509.400	11.777.509.400	261,19	261,19
1. Bổ sung cân đối ngân sách	4.509.230.000	4.509.230.000	4.464.959.200	4.464.959.200	99,02	99,02
2. Bổ sung có mục tiêu			7.312.550.200	7.312.550.200		

Ngày 20 tháng 06 năm 2024

Bộ phận tài chính, kế toán xã

Nguyễn Thái Huy

TM. UBND XÃ SƠN TÂY



Chủ tịch

Cao Văn Đức

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
I	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
Tổng số chi	6.464.030.000	450.000.000	6.014.030.000	16.164.384.320	6.437.704.000	9.726.680.320	250,07	1430,60	161,73
1. Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	626.672.000		626.672.000	1.455.327.200	660.000.000	795.327.200	232,23		126,91
1.1. Chi dân quân tự vệ	480.452.000		480.452.000	564.473.200		564.473.200	117,49		117,49
1.2. Chi trật tự an toàn xã hội	146.220.000		146.220.000	890.854.000	660.000.000	230.854.000	609,26		157,88
2. Chi giáo dục				2.582.410.000	2.582.410.000				
3. Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
4. Chi y tế	324.732.000	250.000.000	74.732.000	869.957.000	792.971.000	76.986.000	267,9	317,19	103,02
5. Chi văn hóa, thông tin	65.000.000		65.000.000	57.800.000		57.800.000	88,92		88,92
6. Chi phát thanh, truyền thanh	30.000.000		30.000.000						
7. Chi thể dục, thể thao	85.000.000		85.000.000	32.700.000		32.700.000	38,47		38,47
8. Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	364.000.000		364.000.000	728		728
9. Chi các hoạt động kinh tế	325.117.268		325.117.268	2.014.471.800	1.309.000.000	705.471.800	619,61		216,99
9.1. Giao thông				1.344.750.000	1.309.000.000	35.750.000			
9.2. Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	325.117.268		325.117.268	669.721.800		669.721.800	205,99		205,99
9.3. Thị chính									
9.4. Thương mại, du lịch									
9.5. Các hoạt động kinh tế khác									
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.336.311.732	200.000.000	4.136.311.732	7.437.638.146	649.350.000	6.788.288.146	171,52	324,68	164,11
Trong đó: Quỹ lương				4.062.521.000		4.062.521.000			
10.1. Quản lý Nhà nước	2.817.886.732	200.000.000	2.617.886.732	5.577.130.146	649.350.000	4.927.780.146	197,92	324,68	188,24
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	784.156.000		784.156.000	923.868.000		923.868.000	117,82		117,82
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	147.326.000		147.326.000	236.083.000		236.083.000	160,25		160,25

Tỉnh: Hà Tĩnh
 Huyện: Hương Sơn
 Xã: Sơn Tây

Nội dung	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
I	2	3	4	5	6	7	8 = 5/2	9 = 6/3	10 = 7/4
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	116.631.000		116.631.000	153.593.000		153.593.000	131,69		131,69
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	113.498.000		113.498.000	160.673.000		160.673.000	141,56		141,56
10.6. Hội Cựu chiến binh	126.396.000		126.396.000	147.188.000		147.188.000	116,45		116,45
10.7. Hội Nông dân	159.650.000		159.650.000	199.843.000		199.843.000	125,18		125,18
10.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)	70.768.000		70.768.000	39.260.000		39.260.000	55,48		55,48
11. Chi cho công tác xã hội	303.059.000		303.059.000	334.536.000		334.536.000	110,39		110,39
11.1. Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	158.079.000		158.079.000	173.436.000		173.436.000	109,71		109,71
11.2. Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
11.3. Trợ cấp xã hội	56.100.000		56.100.000						
11.4. Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	38.880.000		38.880.000	151.200.000		151.200.000	388,89		388,89
11.5. Khác	50.000.000		50.000.000	9.900.000		9.900.000	19,8		19,8
12. Chi khác	156.815.000		156.815.000						
13. Dự phòng	161.323.000		161.323.000						
14. Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				955.544.174	443.973.000	511.571.174			
15. Kết dư ngân sách				60.000.000		60.000.000			

Bộ phận tài chính, kế toán xã

(Handwritten signature)

Nguyễn Thái Huy

Ngày 20 tháng 06 năm 2024

TM. UBND xã

